

Bản án số: **08/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/4/2019

*V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và bà Nguyễn Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuấn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa:
Ông Cao Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐ-HPT ngày 05/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy B, sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh

Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy B, kết hôn với nhau tháng 7 năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Việc kết hôn giữa chị H và anh B là tự nguyện. Chị và anh B chung sống với nhau hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do: Anh B chơi bời không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Khi sinh sống tại M thì chị H đã nghi ngờ anh B nghiện ma túy. Đến năm 2016 thì anh,

chị chuyển về thành phố U sinh sống, thời gian này anh B thường xuyên đánh đập chị H chỉ vì anh xin tiền đi mua ma túy chị không có đưa; đến tháng 5 năm 2018 thì anh B bị bắt đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện tỉnh Quảng Ninh. Đến nay, chị H không còn tình cảm với anh B nữa, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Nguyễn Hải B 1, sinh ngày 04/12/2015. Tại đơn khởi kiện chị H nhường quyền nuôi con cho anh B và gia đình anh B. Vì chị lo sợ sau khi anh B hết thời gian cai nghiện sẽ tìm chị H và con để đánh. Tuy nhiên đến nay, chị thay đổi ý kiến về người trực tiếp nuôi con: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Hải B 1 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Duy B trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn với nhau tháng 7 năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M. Anh B và chị H chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh cho rằng chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác (tuy nhiên anh không có chứng cứ). Đối với việc anh sử dụng ma túy là đúng và hiện tại anh đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện tỉnh Quảng Ninh. Mặc dù vậy nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị H. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/4/2019 anh B đồng ý với yêu cầu xin được ly hôn của chị Lê Thị H vì anh cho rằng tình cảm vợ chồng không còn sự yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau nữa.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Hải B1, sinh ngày 04/12/2015. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được quyền nuôi con chung vì trong thời gian anh tập trung cai nghiện bắt buộc thì mẹ đẻ anh mới là người nuôi con chung của anh với chị H là Nguyễn Hải B 1 và chu cấp toàn bộ các chi phí sinh hoạt, chị H không có trách nhiệm gì.

Về cấp dưỡng: Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị Lê Thị H nộp kèm theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (01 bản chính); Trích lục kết hôn (01 bản); Chứng minh thư nhân dân (01 bản sao); Đơn xin xác nhận khai sinh (01 bản chính); Sổ hộ khẩu (01 bản sao); Đơn xin xác nhận của Cơ sở cai nghiện tỉnh Quảng Ninh (01 bản chính); Đơn đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ (01 bản chính); Phiếu EMS.

Các tài liệu chứng cứ do bị đơn nộp: Không

Các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án: 02 biên bản xác minh tại địa phương.

Ý kiến của Viện kiểm sát : Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M khẳng định: Việc Tòa án nhân dân thành phố M thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật; Xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng, tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm được thực hiện đúng, đầy đủ đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng tại Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án : Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H và đề nghị Hội đồng xét xử, Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Duy B.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; giao con chung Nguyễn Hải B 1, sinh ngày 04/12/2015 cho chị Lê Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tỉnh Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết : Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Duy B là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị H có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn nên thuộc trường hợp tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố M nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố M là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh B hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Trại cai nghiện tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân thành phố M đã triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Duy B tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 05/4/2019, anh B không có mặt. Nên, Tòa án nhân dân thành phố M đã hoãn phiên tòa và ấn định xét xử vào 08 giờ ngày 26/4/2019. Ngày 23/4/2019, anh B đã làm đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn :

- Về quan hệ hôn nhân : Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Duy B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị H và anh B chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân là do anh B nghiện ma túy, có lối sống lệch lạc, thường đánh đập chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B xác nhận: Anh nghiện ma túy từ năm 2014. Nội dung mâu thuẫn vợ chồng anh chị cũng được chính quyền địa phương xác nhận tại 02 biên bản xác minh ngày 14/3/2019 đều thể hiện : Chị H và anh B chỉ sống tại địa phương một thời gian ngắn, nhưng cuộc sống chung của hai anh chị không mấy hạnh phúc. Anh B thường hay đánh đập chị H. Ngoài ra anh B còn có lối sống không lành mạnh, nghiện ma túy.

Như vậy, xét về tình cảm vợ chồng trên thực tế chị H và anh B có xảy ra mâu thuẫn. Việc anh B nghiện ma túy là đúng, hiện cai nghiện bắt buộc tại Trại cai nghiện nên không đảm bảo việc chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, vi phạm định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, anh B đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị H. Do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh B.

- Về con chung: Chị H và anh B có 01 con chung là Nguyễn Hải B 1, sinh ngày 04/12/2015. Chị H và anh B đều đề nghị được là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Tuy nhiên, xét thực tế hiện nay anh B đang cai nghiện tại Trại cai nghiện nên không đảm bảo là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung được, nên không chấp nhận đề nghị của anh B về người trực tiếp nuôi con. Cần thiết phải giao con chung Nguyễn Hải B 1 cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Sau khi anh B hết thời hạn tập trung cai nghiện về địa phương sinh sống nếu có đủ điều kiện có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng : Chị H không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xét.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có, nên không xét.

[4] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo : Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55, 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Duy B .

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hải B1, sinh ngày 04/12/2015 cho chị Lê Thị H là người trực tiếp trông nom , chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật Khi vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số 0001495 ngày 26 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, công khai có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA Dân sự TP M;
- UBND p H, tp M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương